

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

Số: 05 /2011/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vị Thanh, ngày 21 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2011 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thông qua định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2011 - 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2011 - 2015 ban hành kèm theo Quyết định này đã bao gồm toàn bộ tiền lương theo mức lương tối thiểu 730.000 đồng/tháng. Định mức này là cơ sở để phân bổ dự toán chi ngân sách cho các đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

Mức kinh phí ngân sách cấp cho các hoạt động thường xuyên được giao ổn định hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách. Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế tài chính ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét trình Hội đồng nhân dân điều chỉnh cho phù hợp để đáp ứng thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Đối với các địa phương thuộc tỉnh khi áp dụng định mức này mà dự toán chi thường xuyên năm 2011 và các lĩnh vực: giáo dục đào tạo và dạy nghề, khoa học công nghệ thấp hơn dự toán chi giao năm 2010 thì sẽ được bổ sung để đảm bảo không thấp hơn mức dự toán năm 2010 và có mức tăng hợp lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký và được áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015.

Quyết định này thay thế Quyết định số 49/2006/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang v/v ban hành Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Hậu Giang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở, Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /x

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - BTP;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Cơ quan báo, đài;
- Công báo tỉnh;
- Phòng Văn bản - STP;
- Lưu: VT. CN

2011/QUĐPĐ
Chỉ số phân loại tài liệu địa phương tiếp nhận ngày 2011-2013

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)

Nguyễn Liên Khoa

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Hậu Giang
giai đoạn 2011 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02
năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

**Chương I
ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ**

Điều 1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh:

Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh đã bao gồm: tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương, các khoản trích theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn,...) theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số 28/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu chung; chi nghiệp vụ, đoàn ra, đoàn vào và các khoản mua sắm, sửa chữa thường xuyên.

Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh chưa bao gồm: chi các nhiệm vụ đặc thù; mua sắm tài sản cố định có số lượng lớn hoặc giá trị lớn, nâng cấp cơ sở vật chất quy mô lớn. Kinh phí chi cho các nhiệm vụ này thực hiện theo các quyết định cụ thể, các dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể:

a) Định mức chung:

- Lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo quy định theo mức lương tối thiểu 730.000 đồng/tháng, ngân sách đảm bảo 100% theo biên chế thực tế nhưng không vượt biên chế cấp thẩm quyền giao và bao gồm kinh phí tăng lương định kỳ 01 triệu đồng/biên chế thực tế/năm.

- Kinh phí hoạt động thường xuyên:

| Nội dung | Định mức (triệu đồng/biên chế/năm) |
|--|--|
| 1. Định mức biên chế của các đơn vị cấp Sở và tương đương: | |
| - Dưới 11 biên chế | 21 |
| - Từ biên chế 11 đến biên chế 20 | 19 |
| - Từ biên chế thứ 21 trở lên | 18 |
| 2. Các đơn vị trực thuộc Sở và tương đương: | |
| - Dưới 11 biên chế | 18 |
| - Từ biên chế 11 đến biên chế 20 | 17 |
| - Từ biên chế thứ 21 trở lên | 16 |
| 3. Các đơn vị dự toán cấp 3 và tương đương: | |
| - Dưới 11 biên chế | 16 |
| - Từ biên chế 11 đến biên chế 20 | 15 |
| - Từ biên chế thứ 21 trở lên | 14 |

- Kinh phí hoạt động thường xuyên tính theo biên chế được giao (biên chế được giao và biên chế thực tế không chênh lệch hơn 10%) đối với đơn vị thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Kinh phí hoạt động thường xuyên tính theo biên chế thực tế (không vượt biên chế giao) đối với đơn vị chưa thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

b) Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban xây dựng Đảng, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ngoài định mức phân bổ nêu trên có tính toán bổ sung thêm các nhiệm vụ chi đặc thù cụ thể của từng đơn vị.

c) Các tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp:

a) Các đơn vị sự nghiệp: sự nghiệp y tế, sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp văn hóa thể thao và du lịch, sự nghiệp phát thanh truyền hình... thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở yêu cầu đơn vị phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ nguồn thu của mình.

- Đối với đơn vị có nguồn thu sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên, phần còn lại được ngân sách Nhà nước cấp; đơn vị có nguồn thu sự nghiệp thấp, đơn vị không có nguồn thu, kinh phí hoạt động thường xuyên do ngân sách Nhà nước bảo đảm toàn bộ (không bao gồm đơn vị có nguồn thu sự nghiệp tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên) trên cơ sở nhiệm vụ được giao, ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí cho các đơn vị này tối đa bằng mức chi nêu tại điểm a, khoản 1 Điều này hoặc theo tính chất riêng của từng loại sự nghiệp (nguồn kinh phí bao gồm nguồn thu của đơn vị và nguồn ngân sách cấp).

Ngoài ra, được xem xét bổ sung thêm kinh phí đặc thù của tổ chức đơn vị thực hiện sự nghiệp.

- Đối với đơn vị sự nghiệp thuộc cấp tỉnh hoạt động trên địa bàn xã tính định mức hoạt động là 5 triệu đồng/biên chế/năm.

b) Đối với chi đảm bảo xã hội: căn cứ vào thực tế nhiệm vụ chi giai đoạn 2011 - 2015 và các chế độ, chính sách do Trung ương và địa phương ban hành sẽ bố trí mức chi hợp lý và hàng năm tùy theo khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tăng tỷ lệ hợp lý.

c) Đối với chi quốc phòng - an ninh: căn cứ khả năng ngân sách và nhiệm vụ chi theo luật định sẽ phân bổ để bảo đảm các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh của địa phương.

d) Đối với chi hoạt động sự nghiệp môi trường, chi sự nghiệp khoa học công nghệ, sự nghiệp kinh tế: căn cứ khả năng ngân sách và nhiệm vụ chi của từng đơn vị sẽ phân bổ cụ thể.

Điều 2. Định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là ngân sách cấp huyện) và xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã):

1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục cấp huyện:

Trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) tối đa 80%, chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương tối thiểu 19% (chưa kể nguồn thu học phí), 01% còn lại do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý để thực hiện các nhiệm vụ hoạt động giáo dục chung cho toàn tỉnh.

Định mức phân bổ trên bao gồm các cấp giáo dục, các loại hình giáo dục theo phân cấp.

Định mức chi nêu trên bao gồm tất cả các nhiệm vụ chi của các cấp giáo dục, các loại hình giáo dục theo phân cấp.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề cấp huyện:

Bao gồm các loại hình đào tạo, dạy nghề theo phân cấp (chính quy, tại chức, đào tạo lại, các loại hình đào tạo, dạy nghề khác), các cấp đào tạo, dạy nghề, Trung tâm chính trị, Trung tâm dạy nghề... theo tiêu chí cụ thể sau:

a) Đối với các đơn vị đào tạo (Trung tâm chính trị, Trung tâm dạy nghề...) tính theo biên chế được giao là 53 triệu đồng/biên chế/năm.

b) Hoạt động đào tạo tại huyện: định mức chi 200 triệu đồng/huyện/năm.

c) Hoạt động đào tạo tại xã: định mức chi 20 triệu đồng/xã/năm.

d) Hoạt động đào tạo khác theo tiêu chí dân số là 4.000 đồng/người dân/năm (không kể dân số từ 01-18 tuổi).

3. Định mức phân bổ chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể cấp huyện: tính theo biên chế được giao là 53 triệu đồng/biên chế/năm.

4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin cấp huyện: theo tiêu chí dân số là 9.000 đồng/người dân/năm.

5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình cấp huyện: theo tiêu chí dân số là 5.000 đồng/người dân/năm.

6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao cấp huyện: theo tiêu chí dân số là 4.000 đồng/người dân/năm.

7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội cấp huyện: theo tiêu chí dân số là 10.000 đồng/người dân/năm.

8. Định mức phân bổ chi quốc phòng cấp huyện: theo tiêu chí dân số là 5.000 đồng/người dân/năm.

9. Định mức phân bổ chi an ninh cấp huyện: theo tiêu chí dân số là 2.000 đồng/người dân/năm.

10. Định mức chi sự nghiệp khoa học công nghệ cấp huyện: đảm bảo tăng tối thiểu là 20% so với năm 2010.

11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế cấp huyện: tăng 10% so với dự toán năm 2010.

Ngoài ra, tùy theo tính chất đô thị, định mức phân bổ bổ sung chi sự nghiệp kinh tế như sau:

- Thành phố Vị Thanh: 7.500 triệu đồng/đơn vị/năm.
- Thị xã Ngã Bảy: 5.000 triệu đồng/đơn vị/năm.
- Huyện Long Mỹ, Phụng Hiệp: 3.500 triệu đồng/đơn vị/năm.
- Huyện Vị Thủy, Châu Thành, Châu Thành A: 3.000 triệu đồng/đơn vị/năm.

12. Định mức phân bổ chi hoạt động sự nghiệp môi trường cấp huyện: tăng 10% so với dự toán năm 2010.

13. Chi thường xuyên khác của ngân sách cấp huyện: phân bổ theo tỷ trọng bằng 0,5% tổng các khoản chi thường xuyên đã được tính theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách của từng huyện (từ khoản 1 đến khoản 12 Điều này).

14. Định mức chi ngân sách xã, phường, thị trấn:

a) Chi cho con người (lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp, phụ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân...):

- Xã, phường, thị trấn: 740 triệu đồng/đơn vị/năm.
- Ấp, khu vực: 37 triệu đồng/ấp, khu vực/năm.

b) Chi quản lý hành chính: 315 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

c) Các khoản chi còn lại: 40/triệu đồng/ấp, khu vực/năm.

Ngoài ra, mỗi xã, phường, thị trấn nếu là xã văn hóa sẽ được bổ sung thêm 50 triệu đồng/năm để xây dựng và duy trì các thiết chế văn hóa.

Định mức chi ngân sách xã, phường, thị trấn nêu trên bao gồm tất cả các nhiệm vụ chi theo phân cấp của Luật Ngân sách Nhà nước và các chế độ chính sách của Nhà nước ban hành.

15. Định mức phân bổ chi khen thưởng: phân bổ theo tỷ trọng bằng 1% các khoản chi thường xuyên đã được tính theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách của từng huyện, thị xã, thành phố (từ khoản 1 đến khoản 14 Điều này).

16. Đối với những địa phương có dân số thấp:

Đối với những địa phương có dân số dưới 80.000 dân được phân bổ thêm 5% tổng số chi thường xuyên của ngân sách huyện, thị xã, thành phố. Ngoài ra, đối với những địa phương khác khi tính theo định mức trên, mà mức chi thấp hơn dự toán năm 2010 thì sẽ được tính bằng dự toán 2010, đồng thời có tăng thêm theo quy định.

17. Dự phòng ngân sách: cấp huyện và cấp xã là 3% trên tổng chi cân đối ngân sách.

18. Định mức phân bổ bao gồm tất cả các nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và phân cấp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương II

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CĂN CỨ CỦA ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 3. Dân số:

Dân số của từng huyện, thị xã, thành phố được xác định theo số liệu do Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh công bố.

Điều 4. Biên chế:

Biên chế được xác định trên cơ sở quyết định giao biên chế của cấp có thẩm quyền theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Trách nhiệm thi hành:

1. Căn cứ vào định mức phân bổ này:

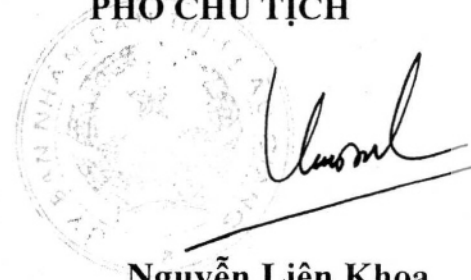
a) Thủ trưởng các đơn vị cấp tỉnh xây dựng tiêu chí, mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị trực thuộc sau khi thống nhất với Sở Tài chính, nhưng phải đúng về tổng mức, phù hợp với đặc điểm thực tế và nguồn thu của các đơn vị trực thuộc, bảo đảm công khai, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế, đặc điểm từng địa phương, đơn vị, khả năng nguồn thu ngân sách trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức phân bổ chi thường xuyên cho từng đơn vị, địa phương nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ. Riêng lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề, khoa học công nghệ không được thấp hơn số của tỉnh giao; đồng thời, gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Định mức này trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

3. Trong quá trình thực hiện Định mức này nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh có hướng chỉ đạo kịp thời. nl

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Liên Khoa